

Bản tin Phân tích kỹ thuật

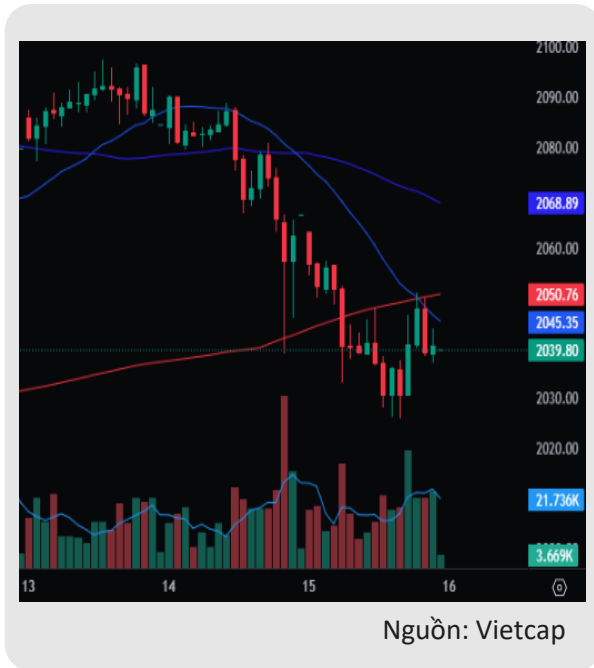
15/01/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- Tín hiệu giảm duy trì trên 41I1G1000 và chưa xuất hiện tín hiệu cho đà hồi phục bởi hợp đồng này đóng cửa dưới các đường MA20, MA50, MA200 và quanh mức giá thấp trong ngày. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế bán quanh vùng giá 2.040, mục tiêu là vùng 2.026 và dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa trên ngưỡng 2.045.

Chiến lược:

- Bán (S): 2.040 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.026 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.045 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tích cực	Tích cực
VN30	Tích cực	Tích cực
VNMid	Tích cực	Trung tính
VNSmall	Tích cực	Trung tính
HNX	Tích cực	Trung tính



Nguồn: Vietcap

- VN-Index đóng cửa vi phạm hỗ trợ 1.880 điểm (MA5) cho thấy đà giảm lấn át về cuối ngày. VN30-Index diễn biến tương đồng. Tuy nhiên, áp lực điều chỉnh gần đây không tác động về mặt xu hướng ngắn và trung hạn trên cả hai chỉ số. Ngược lại, đà tăng trên chỉ số VNMidcap và VNSmallcap tiếp tục được củng cố.
- Về hoạt động giao dịch, tại vùng giá thấp phiên 15/01, lực cầu xuất hiện dần trải ở nhóm Vật liệu, CNTT-Viễn thông, Bảo hiểm. Ở nhóm Ngân hàng, Bất động sản và Chứng khoán, hoạt động mua mang tính chọn lọc, không dần trải cho thấy vẫn có sự do dự nhất định. Tuy nhiên, hoạt động bán cũng không gia tăng. Về tín hiệu kỹ thuật, trong 2 phiên điều chỉnh gần đây, rõ VN30 có số cổ phiếu Tích cực giảm từ mức 90% về mức 80%, chủ yếu đến từ nhóm Ngân hàng.
- Dựa trên tín hiệu từ hoạt động cung cầu, chúng tôi cho rằng đà điều chỉnh ở phiên 15/01 đến từ sự suy giảm của lực cầu, không xuất phát từ áp lực bán chủ động. Do đó, biên độ điều chỉnh sẽ giảm ở phiên 16/01 và VN-Index sẽ dao động trong vùng 1.845-1.880 (+/-10 điểm) nhằm tích lũy hoạt động mua mới cho giai đoạn tăng tiếp theo với mục tiêu là khu vực 1.900-1.930 điểm.

Cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT



HPG

- Hoạt động mua cải thiện trên HPG bởi các phiên tăng giá đi kèm mức khối lượng gia tăng. Đáng chú ý, hoạt động tăng giá giúp HPG thiết lập trở lại xu hướng tăng ngắn và trung hạn.
- Khuyến nghị mua ngắn hạn cổ phiếu HPG với mục tiêu là vùng 30.800 và dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 26.800.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
27.300-27.600	30.800	26.800



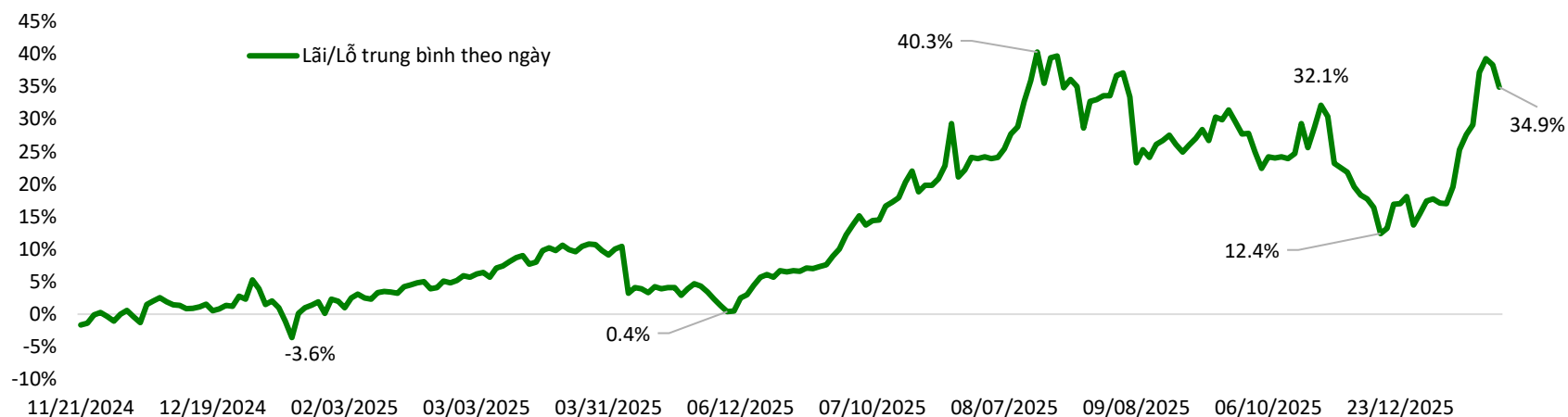
GEX

- GEX kiểm định vùng 38.400 hai lần trước đó và đều được hỗ trợ bởi lực cầu giá thấp. Áp lực bán giá cao trong phiên 14/01 được tiết chế và GEX được hỗ trợ bởi lực cầu giá thấp trong phiên 15/01.
- Khuyến nghị mở tỷ trọng thăm dò trên GEX bởi xác suất đang nghiêng về phía bước vào xu hướng tăng. Dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 39.500.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
41.500-42.200	52.000	39.500

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
TCB	19/12/2025		Đang mở	35,600	33,100	7.6%	32,000	36,200	34,700	38,900
MWG	22/12/2025	15/01/2025	Chốt lãi	84,000	82,700	1.6%	79,700	89,000	85,000	93,000
MSN	31/12/2025		Đang mở	81,000	76,500	5.9%	74,000	82,000	77,500	
MBB	09/01/2025		Đang mở	27,250	26,700	2.1%	25,500	29,500		
SSI	09/01/2025		Đang mở	32,650	30,300	7.8%	29,200	34,500	30,500	37,600
VND	09/01/2025		Đang mở	20,800	19,300	7.8%	18,300	23,000	19,300	
DGW	14/01/2025		Đang mở	43,000	43,450	-1.0%	18,301	50,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	153,000	-4.49%	-13.36%	1,179,023	-12.551	1,147	8.1	133.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCB	71,900	-5.39%	12.87%	600,773	-7.677	4,202	2.7	17.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BID	50,700	-6.97%	17.77%	355,983	-5.879	3,781	2.2	13.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	120,000	-4.99%	-13.73%	492,889	-5.823	6,133	2.3	19.6	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	40,000	-3.50%	4.71%	310,678	-2.574	4,292	1.8	9.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	29,550	6.87%	2.60%	147,906	2.407	3,064	2.3	9.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GAS	103,000	-3.74%	12.45%	248,534	-2.201	5,014	3.8	20.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	57,800	6.84%	8.04%	108,965	1.765	6,519	1.7	8.9	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính
VNM	71,000	4.87%	14.15%	148,387	1.713	4,160	4.4	17.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	35,600	-2.47%	-1.11%	252,270	-1.473	3,111	1.5	11.4	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	223,600	6.99%	5.47%	81,838	1.354	9,095	11.0	24.6	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính
VJC	180,500	-4.70%	-11.08%	106,786	-1.189	2,897	4.4	62.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BCM	77,900	6.13%	14.22%	80,627	1.171	3,576	3.8	21.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PLX	51,800	6.80%	24.82%	65,817	1.061	2,090	2.6	24.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	37,350	2.75%	24.29%	149,400	0.973	1,569	2.6	23.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PVI	102,300	10.00%	6.56%	23,963	0.106	5,080	2.7	20.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KSV	153,300	1.93%	6.16%	30,660	0.026	9,526	6.7	16.1	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
DTK	13,100	4.80%	1.55%	8,944	0.019	1,116	1.0	11.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSF	66,000	0.61%	-0.30%	59,386	0.016	4,851	5.0	13.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	39,700	-1.49%	6.72%	20,303	-0.013	2,841	1.4	14.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHS	20,500	-1.44%	4.06%	18,439	-0.012	1,517	1.5	13.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CEO	19,500	2.09%	-3.47%	11,065	0.010	360	1.8	54.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNR	21,800	4.81%	3.81%	4,374	0.009	2,353	1.1	9.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
NVB	13,900	-0.71%	2.21%	26,752	-0.008	-3,504	4.0	-4.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	39,500	-1.25%	4.22%	14,990	-0.008	4,849	2.3	8.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

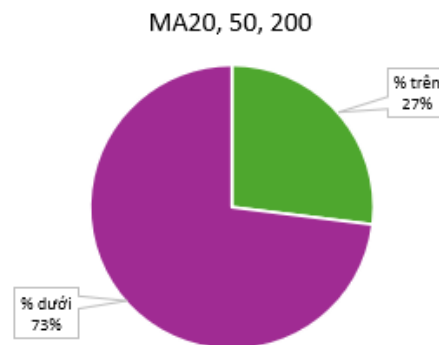
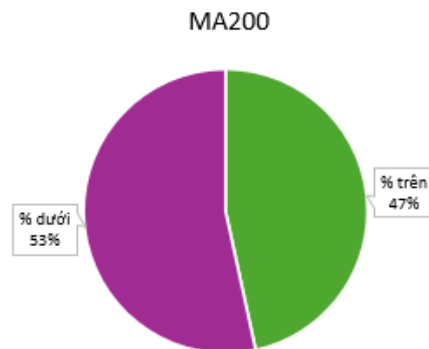
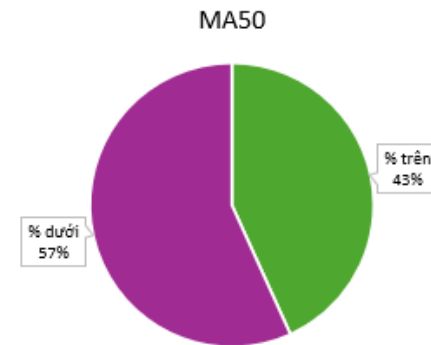
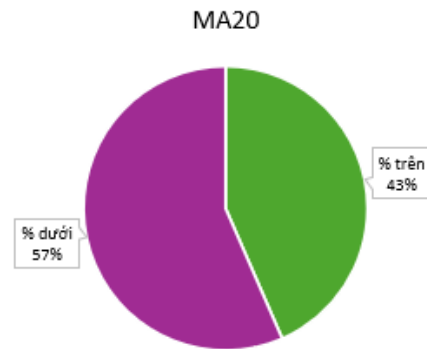
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	126,000	5.09%	60.92%	386,372	0.566	3,046	10.2	41.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	73,300	14.17%	39.89%	88,002	0.359	1,438	6.5	51.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	40,500	13.13%	16.38%	52,080	0.197	5,767	1.7	6.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
ACV	62,100	1.64%	17.39%	226,389	0.107	2,971	3.4	21.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CC1	42,000	10.24%	35.48%	16,974	0.050	892	3.9	47.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCR	40,600	-14.88%	-5.58%	8,526	-0.037	-134	5.5	-302.4	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	69,000	2.22%	11.11%	51,209	0.033	4,405	4.9	15.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SNZ	37,900	5.87%	15.20%	14,371	0.024	3,320	2.0	11.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
TVN	9,700	12.79%	25.97%	6,443	0.024	973	0.7	9.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHP	37,000	5.11%	13.85%	12,052	0.018	2,303	2.0	16.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	126,000	5.1%	255.1	85.2	54,951	119,900	10.2	41.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	37,350	2.8%	416.8	127.3	21,986	36,350	2.6	23.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNM	71,000	4.9%	1378.0	325.0	47,972	67,700	4.4	17.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PLX	51,800	6.8%	757.0	199.6	29,947	48,500	2.6	24.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	73,200	6.9%	151.9	57.1	38,365	68,500	2.2	20.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	40,500	13.1%	404.0	27.4	31,535	37,131	1.7	6.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
PGV	23,100	6.9%	7.8	1.0	17,200	22,100	1.7	36.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVI	102,300	10.0%	65.0	14.4	51,667	101,800	2.7	20.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
OIL	14,500	3.6%	199.6	37.2	8,527	14,000	1.4	37.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHR	67,900	6.9%	150.7	39.6	39,878	66,382	2.3	13.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NT2	25,950	1.4%	73.4	30.4	15,727	25,900	1.7	11.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGT	14,300	0.7%	36.8	13.3	8,100	14,200	1.0	9.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TVN	9,700	12.8%	44.4	4.2	5,600	9,600	0.7	9.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MIG	20,050	6.9%	27.0	5.3	13,266	18,800	1.6	10.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	39,100	0.1%	21.1	24.0	16,273	39,050	2.6	19.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
C69	16,000	3.2%	5.9	5.2	5,500	15,500	1.4	22.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VEA	40,500	13.1%	404.0	27.4	31,535	37,131	1.7	6.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
PVI	102,300	10.0%	65.0	14.4	51,667	101,800	2.7	20.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TVN	9,700	12.8%	44.4	4.2	5,600	9,600	0.7	9.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			15/01/2026	14/01/2026	13/1/2026	12/01/2026	09/01/2026	08/01/2026	07/01/2026	06/01/2026	05/01/2026	31/12/2025
VNINDEX	MA200	Trên	52%	50%	49%	47%	43%	45%	44%	40%	39%	43%
		Dưới	48%	50%	51%	53%	57%	55%	56%	60%	61%	57%
	MA50	Trên	53%	51%	51%	45%	38%	40%	39%	30%	31%	33%
		Dưới	47%	49%	49%	55%	62%	60%	61%	70%	69%	67%
	MA20	Trên	59%	56%	56%	51%	41%	47%	47%	38%	35%	38%
		Dưới	41%	44%	44%	49%	59%	53%	53%	62%	65%	62%
VN30	MA200	Trên	90%	93%	90%	93%	87%	87%	87%	77%	77%	73%
		Dưới	10%	7%	10%	7%	13%	13%	13%	23%	23%	27%
	MA50	Trên	87%	83%	90%	87%	70%	80%	77%	53%	43%	57%
		Dưới	13%	17%	10%	13%	30%	20%	23%	47%	57%	43%
	MA20	Trên	80%	77%	90%	83%	70%	87%	83%	70%	50%	67%
		Dưới	20%	23%	10%	17%	30%	13%	17%	30%	50%	33%
HNX	MA200	Trên	46%	47%	46%	46%	42%	43%	42%	40%	41%	42%
		Dưới	54%	53%	54%	54%	58%	57%	58%	60%	59%	58%
	MA50	Trên	46%	45%	43%	42%	35%	36%	34%	32%	33%	33%
		Dưới	54%	55%	57%	58%	65%	64%	66%	68%	67%	67%
	MA20	Trên	46%	47%	46%	46%	42%	43%	42%	40%	41%	42%
		Dưới	54%	53%	54%	54%	58%	57%	58%	60%	59%	58%
UPCOM	MA200	Trên	35%	35%	35%	36%	34%	33%	34%	32%	32%	33%
		Dưới	65%	65%	65%	64%	66%	67%	66%	68%	68%	67%
	MA50	Trên	39%	38%	36%	37%	36%	36%	37%	35%	35%	37%
		Dưới	61%	62%	64%	63%	64%	64%	63%	65%	65%	63%
	MA20	Trên	44%	44%	43%	44%	43%	43%	43%	42%	41%	41%
		Dưới	56%	56%	57%	56%	57%	57%	57%	58%	59%	59%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16	Tháng 1										Tháng 12									
	15	14	13	12	09	08	07	06	05	31	30	29	26	25	24	23	22	19	18	17
1 Dầu khí	91	92	90	89	90	89	87	85	80	80	81	76	72	71	72	69	62	53	49	47
2 Hàng cá nhân & Gia ...	81	76	72	70	61	54	49	43	41	41	43	43	45	46	48	48	47	46	47	45
3 Bảo hiểm	77	73	71	68	64	65	64	53	55	59	62	59	49	47	49	52	48	42	41	40
4 Bán lẻ	74	74	72	66	62	67	67	65	65	67	66	63	63	58	56	58	56	48	48	45
5 Công nghệ Thông tin	73	69	66	67	63	61	53	50	52	55	53	49	47	49	51	51	53	54	54	55
6 Hóa chất	71	66	64	61	56	54	51	41	39	42	39	34	36	36	39	39	38	38	37	39
7 Điện, nước & xăng d...	70	72	68	64	65	67	67	66	67	67	65	60	57	55	55	53	50	47	45	46
8 Ngân hàng	68	70	70	62	59	59	54	42	40	48	46	44	48	48	50	48	42	33	31	35
9 Hàng & Dịch vụ Côn...	66	62	60	49	44	45	44	36	37	42	42	40	38	42	42	42	40	35	38	37
10 Du lịch và Giải trí	65	63	62	58	51	49	48	45	46	44	45	46	47	50	51	52	52	51	47	48
11 Thực phẩm và đồ uống	64	61	58	46	48	50	49	48	50	54	52	53	51	51	52	53	53	50	49	49
12 Tài nguyên Cơ bản	58	54	54	46	50	47	45	40	39	40	42	40	41	41	45	45	45	41	41	41
13 Dịch vụ tài chính	53	53	53	38	29	30	26	21	24	32	34	35	33	32	33	35	32	21	17	18
14 Ô tô và phụ tùng	52	48	42	34	32	34	35	32	31	33	30	31	31	30	31	30	32	27	28	26
15 Xây dựng và Vật liệu	48	48	45	40	38	40	37	34	35	38	36	36	38	41	46	48	46	45	46	45
16 Bất động sản	31	32	31	29	34	36	35	34	33	34	34	32	33	36	38	37	35	30	28	28

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	126,000	5.1%	60.9%	386,372	10.2	41.7	3,046	255.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BID	50,700	-7.0%	17.8%	355,983	2.2	13.4	3,781	1,367.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	103,000	-3.7%	12.4%	248,534	3.8	20.5	5,014	372.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	62,100	1.6%	17.4%	226,389	3.4	21.3	2,971	354.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	27,600	1.3%	4.5%	211,843	1.7	14.7	1,876	1,709.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	37,350	2.8%	24.3%	149,400	2.6	23.8	1,569	416.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNM	71,000	4.9%	14.1%	148,387	4.4	17.1	4,160	1,378.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSN	81,000	0.5%	3.4%	117,119	3.5	36.9	2,196	737.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	20,700	-3.3%	11.3%	103,651	1.8	50.1	413	621.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	73,300	14.2%	39.9%	88,002	6.5	51.0	1,438	13.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BCM	77,900	6.1%	14.2%	80,627	3.8	21.8	3,576	285.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SAB	52,700	-1.9%	13.8%	67,591	3.0	15.6	3,373	330.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PLX	51,800	6.8%	24.8%	65,817	2.6	24.8	2,090	757.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	73,200	6.9%	10.6%	54,338	2.2	20.5	3,578	151.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	40,500	13.1%	16.4%	52,080	1.7	6.8	5,767	404.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
FOX	69,000	2.2%	11.1%	51,209	4.9	15.7	4,405	25.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KBC	36,300	0.7%	2.0%	34,186	1.4	19.4	1,872	237.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	27,100	-1.8%	3.0%	29,821	2.5	-69.8	-389	53.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HCM	26,050	-1.7%	15.8%	28,133	2.7	19.8	1,317	855.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PGV	23,100	6.9%	7.7%	25,952	1.7	36.2	638	7.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TCH	15,950	0.0%	-6.7%	14,548	1.3	19.9	801	126.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DC4	9,950	-0.5%	-2.5%	977	0.8	4.9	2,015	6.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCK	46,650	0.8%	-3.2%	70,993	5.1	18.1	2,585	127.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPI	53,500	0.9%	-3.8%	17,123	3.3	46.6	1,149	146.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHS	11,400	-0.4%	-5.0%	4,925	0.6	1.2	9,417	22.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	8,200	0.0%	-6.5%	4,749	0.8	12.8	639	19.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HBC	6,300	0.0%	0.0%	2,160	1.3	2.0	3,081	6.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
EVG	7,680	2.0%	-5.1%	1,653	0.7	51.8	148	6.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	30,100	3.6%	-1.3%	33,779	1.9	35.1	857	268.5	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	12,800	-0.8%	-3.8%	28,570	0.8	-6.6	-1,931	71.7	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PDR	17,850	0.6%	-3.5%	17,811	1.5	84.7	211	307.1	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	15,950	0.3%	-3.3%	17,743	1.4	40.2	397	279.0	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DIG	16,500	-1.2%	-2.9%	13,141	1.6	32.0	516	225.7	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	19,500	2.1%	-3.5%	11,065	1.8	54.2	360	347.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHI	14,000	0.0%	0.7%	2,379	1.3	42.1	333	9.0	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FCN	14,500	0.3%	-0.3%	2,283	0.9	82.7	175	15.6	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VFS	15,200	-0.7%	0.0%	2,128	1.3	14.7	1,032	17.8	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
HQC	2,900	0.0%	-0.7%	1,672	0.3	66.3	44	10.8	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
APS	7,200	-4.0%	-2.7%	598	0.7	-38.1	-189	8.5	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VRE	31,450	-1.1%	-12.4%	71,464	1.6	14.7	2,144	502.7	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DGC	67,300	5.32%	7.17%	118,000	84.7%	8,296	1.6	8.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	31,200	0.65%	0.65%	52,100	68.1%	2,179	1.5	14.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
KDH	30,100	3.61%	-1.31%	48,500	67.0%	857	1.9	35.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	15,450	0.65%	0.65%	25,500	66.1%	178	1.2	86.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	8,200	0.00%	-6.50%	13,600	65.9%	639	0.8	12.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	12,800	-0.78%	-3.76%	20,000	55.0%	(1,931)	0.8	-6.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	15,950	0.31%	-3.33%	24,000	50.9%	397	1.4	40.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	26,600	0.38%	1.14%	37,000	39.6%	938	1.5	28.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
ACB	24,900	1.01%	1.43%	33,300	35.1%	3,385	1.4	7.4	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
IDC	39,500	-1.25%	4.22%	54,000	35.0%	4,849	2.3	8.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SZC	31,450	-0.63%	5.36%	42,400	34.0%	1,763	1.8	17.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VGC	48,900	0.62%	12.41%	64,100	31.9%	3,090	2.4	15.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HPG	27,600	1.28%	4.55%	35,700	31.0%	1,876	1.7	14.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEX	42,200	1.69%	0.48%	54,000	30.1%	2,313	2.4	18.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
VPB	29,000	-1.69%	-0.85%	38,000	28.8%	2,603	1.5	11.1	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
DCM	35,700	-2.72%	3.03%	46,600	27.0%	3,578	1.8	10.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACG	36,000	-1.10%	-3.87%	45,800	25.8%	2,973	1.2	12.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSN	81,000	0.50%	3.45%	101,200	25.6%	2,196	3.5	36.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
REE	62,300	0.00%	0.97%	78,200	25.5%	4,776	1.7	13.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TV2	36,000	1.98%	5.88%	43,900	24.4%	973	1.9	37.0	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn